

Tuồng cổ chữ Nôm – di sản văn hóa Việt Nam

Nguyễn Thế

Chuyên viên Bảo tồn Bảo tàng
Phòng Văn hoá Thông tin huyện Phong Điền, Thừa Thiên-Huế

Hội nghị Quốc tế về chữ Nôm

Ngày 12-13 tháng 11 năm 2004
Thư viện Quốc gia Việt Nam – Hà Nội

TÓM TẮT

Trong kho tàng di sản văn hoá chữ Nôm của Việt Nam, ngoài những tác phẩm văn học nổi tiếng còn có những tác phẩm văn hoá nghệ thuật đặc sắc, mà một thời gian dài nó là món ăn tinh thần không thể thiếu được của người dân Việt qua nhiều thế hệ. Đó chính là những kịch bản của bộ môn nghệ thuật tuồng truyền thống Việt Nam. Nghệ thuật tuồng truyền thống Việt Nam đã hình thành và phát triển trải qua hàng trăm năm, vì vậy số lượng kịch bản tuồng viết bằng chữ Nôm chắc chắn phải nhiều. Song cho đến nay, chúng ta ít biết đến nó. Kịch bản tuồng cổ Việt Nam được viết bằng chữ Nôm còn được bao nhiêu? Hiện nay nó đang nằm ở đâu? Nội dung và giá trị của các kịch bản tuồng như thế nào? Làm sao để khai thác nó? Đó chính là những băn khoăn, trăn trở của những ai quan tâm đến bộ môn nghệ thuật tuồng, quan tâm đến di sản của tiền nhân để lại.

Nghệ thuật tuồng truyền thống của Việt Nam hiện nay đang gặp nhiều khó khăn trong việc phục hồi và phát triển, nhưng chính phủ và các ngành hữu quan ở Việt Nam đang có những nỗ lực nhằm bảo tồn và phát huy bộ môn nghệ thuật truyền thống này trên tinh thần giữ gìn bản sắc Văn hoá dân tộc, giữ gìn những cái hay cái đẹp do cha ông để lại. Những kịch bản tuồng cổ của bộ môn nghệ thuật này đều được viết bằng chữ Nôm. Tác giả các vở tuồng chính là các bậc vua chúa, hoàng thân quốc thích, quan lại, các bậc danh nho hoặc những người có học vấn. Họ sáng tác tuồng nhằm nêu cao tầm gương trung quân ái quốc, trung hiếu tiết nghĩa, đả phá những thói hư tật xấu của xã hội đương thời. Song những nét đẹp và giá trị nhân văn của nghệ thuật tuồng vẫn còn sống mãi cho đến ngày nay.

Kịch bản tuồng cổ chữ Nôm vẫn còn ẩn chứa những giá trị về lịch sử, văn học, triết học, ngôn ngữ... qua nội dung, bố cục, qua các lời thoại, ca từ... Những công việc liên quan đến sưu tầm, khảo cứu, phát huy giá trị tuồng cổ không những chỉ đơn thuần là phát huy bộ môn nghệ thuật tuồng mà nó còn có giá trị lớn lao hơn là góp phần bảo vệ di sản chữ Nôm của cha ông. Điều chắc chắn rằng, từ những văn bản tuồng chữ Nôm chúng ta sẽ tìm thấy những “con chữ” Nôm lạ do cha ông ta sáng tạo vẫn còn ẩn mình trong đó. Mà công việc của chúng ta, những người tâm huyết với chữ Nôm đang ngày đêm tích cực tìm kiếm để hiểu thêm về văn hoá chữ Nôm, hiểu thêm về tinh thần độc lập tự chủ của tiền nhân.

Tuồng cổ chữ Nôm – di sản văn hóa Việt Nam

Nguyễn Thế

Chuyên viên Bảo tồn Bảo tàng
Phòng Văn hoá Thông tin huyện Phong Điền, Thừa Thiên-Huế

Hội nghị Quốc tế về chữ Nôm

Ngày 12-13 tháng 11 năm 2004

Thư viện Quốc gia Việt Nam – Hà Nội

Nghệ thuật tuồng Việt Nam – Những bước thăng trầm

Nhìn lại chặng đường dài phát triển Văn hoá của dân tộc Việt Nam, từ thời đại vua Hùng cho đến hôm nay, đã trải qua hàng ngàn năm lịch sử. Suốt trong quá trình đó, cha ông ta đã không ngừng sáng tạo, gìn giữ văn hoá của dân tộc với mục đích chống lại sự đồng hoá văn hoá của các nước lớn, đặc biệt là trong thời kỳ Bắc thuộc. Chữ Nôm ra đời là một minh chứng hùng hồn của nền văn hoá độc lập tự chủ mà bao thế hệ tiền nhân của dân tộc Việt đã sáng tạo và phát triển nên. Từ văn tự này, họ đã để lại cho chúng ta một kho tàng văn hoá thành văn đồ sộ với những tác phẩm văn học giá trị như *Truyện Kiều*, *Chinh phụ ngâm*, *Cung oán ngâm khúc* và nhiều tác phẩm chữ Nôm của các tác giả nổi tiếng như Nguyễn Du, Đặng Trần Côn, Đoàn Thị Điểm (người được mệnh danh là bà chúa thơ Nôm) và nhiều tác giả khác trong đó có cả những tác giả khuyết danh mà ta chưa biết. Từ lâu, việc khai thác và phát huy giá trị các tác phẩm văn học chữ Nôm đã được các tổ chức văn hoá giáo dục quan tâm, nhiều công trình nghiên cứu về các tác phẩm văn học chữ Nôm của các học giả trong nước cũng như ở nước ngoài đã cho chúng ta những hiểu biết sâu hơn về giá trị của nó. Một số tác phẩm văn học chữ Nôm đã được in ấn, phát hành rộng rãi và đưa vào giảng dạy ở trong nhà trường. Song cho đến nay vẫn còn một số lớn tác phẩm viết bằng chữ Nôm đang được lưu giữ ở các thư viện, các cơ quan lưu trữ, tủ sách gia đình, và thậm chí đang được cất giữ tại các nơi trang nghiêm như ở các đình, chùa, đền, miếu, các nhà thờ họ tộc... đặc biệt là một số lớn các tác phẩm chữ Nôm của Việt Nam hiện đang được cất giữ ở các bảo tàng, thư viện lớn ở nước ngoài mà chúng ta chưa có điều kiện để khai thác. Trong kho tàng di sản văn hoá chữ Nôm của cha ông ta để lại còn có những tác phẩm văn hoá nghệ thuật đặc sắc, mà một thời gian dài nó là món ăn tinh thần không thể thiếu được của người dân Việt qua nhiều thế hệ. Đó chính là những kịch bản của bộ môn nghệ thuật tuồng truyền thống Việt Nam. Nghệ thuật tuồng truyền thống của Việt Nam đã hình thành và phát triển từ lâu đời. Đặc biệt là trong thời các vua chúa nhà Nguyễn, bộ môn nghệ thuật tuồng Việt Nam đã phát triển lên đến đỉnh cao và tuồng được xem như là “quốc kịch”. Dưới thời vua Tự Đức, triều đình đã thành lập ra ban Hiệu Thư do Đào Tấn chủ trì; một số hoàng thân quốc thích cùng với các văn quan nổi tiếng đã tham gia trong ban này. Ban Hiệu Thư đã thực hiện việc sưu tầm các vở tuồng được viết bằng chữ Nôm ở trong dân gian về triều để san định và nâng cao về mặt văn học. Trong thời gian này, các thành viên của ban Hiệu Thư cũng đã sáng tác nhiều vở tuồng nổi tiếng như các vở: *Vạn bửu trình tường*, *Quần phương hiển thủy*... trong đó có một số vở do vua Tự Đức đích thân “châu phê”.

Kể từ khi triều đại nhà Nguyễn cáo chung (1945), rồi tiếp đến là những biến động về lịch sử xã hội, chiến tranh, đất nước chia cắt... đã ảnh hưởng đến sự phát triển của đất nước trên mọi phương diện. Các bộ môn nghệ thuật truyền thống, trong đó có nghệ thuật tuồng đã mất dần chỗ đứng của mình, nhất là sau khi các loại hình nghệ thuật mới ở phương tây bắt đầu du nhập vào Việt Nam, chúng đã được lớp trẻ, lớp người mới đón tiếp một cách nồng nhiệt. Cùng với nhịp sống văn minh đô thị, các loại hình nghệ thuật mới đã nhanh chóng phát triển và lan toả về tận nông thôn, nơi mà trước đây người dân chỉ biết thưởng

thức các loại hình nghệ thuật truyền thống, đặc biệt là nghệ thuật tuồng, thì giờ đây một bộ phận khán giả trẻ đã bắt đầu quay lưng dần với bộ môn nghệ thuật này. Còn lớp người già khi hồi tưởng lại những đêm thâu đi xem hát bội (tuồng) thì dường như vẫn còn hào hứng, họ vẫn còn thuộc nằm lòng tên tuổi của các đào kép nổi tiếng với những vai diễn đã từng làm họ say sưa cùng với tiếng trống châu ngày nào bên sân đình.

Với tinh thần bảo tồn di sản văn hoá dân tộc, gìn giữ tinh hoa vốn cổ của ông cha, đặc biệt là đối với bộ môn nghệ thuật truyền thống đã gắn liền với dân tộc qua bao thế kỷ. Trước đây, ngay khi đất nước còn chia cắt, chính phủ của hai miền đã có những nỗ lực không ngừng nhằm bảo tồn và khôi phục bộ môn nghệ thuật truyền thống này, thế nhưng chiến tranh kéo dài hàng chục năm không những làm cản trở công việc của các nhà chức trách mà còn tạo cho bộ môn nghệ thuật tuồng mai một nhanh chóng hơn. Mặc dầu vậy, ở miền Bắc, nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã nhanh chóng tập hợp các văn nghệ sĩ, diễn viên từ miền Nam tập kết ra Bắc, thành lập đoàn tuồng Liên khu năm, tổ chức ban nghiên cứu sâu khâu với mục đích sưu tầm, nghiên cứu nhằm bảo tồn, khai tác vốn cổ. Đến năm 1959 với sự khởi xướng của Gs Hoàng Châu Ký, đoàn tuồng Bắc cũng được thành lập với sự góp mặt của các nghệ sĩ tuồng nổi tiếng ở miền Bắc như Quang Tôn, Bạch Trà cùng với sự tham gia của các nghệ sĩ tên tuổi ở miền Trung như: Lê Bá Tùng, Nguyễn Hoàng Tôn (Nghệ An), Đoàn Thị Ngà (Huế)... các tác giả: Tống Phước Phổ, Hoàng Châu Ký (Quảng Nam), Mịch Quang (Bình Định)... đoàn đã dàn dựng một số vở tuồng cổ như *Sơn Hậu*, *Nữ tướng Đào Tam Xuân*, *Triệu Đình Long cứu chúa*,... Còn ở miền Nam ngoài sự tồn tại và hoạt động biểu diễn thường xuyên của các đoàn tuồng ở các địa phương – đặc biệt là ở miền Trung, nơi được mệnh danh là cái nôi của tuồng; năm 1971 Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hoá đã cho phiên dịch và xuất bản một số kịch bản tuồng cổ (có in kèm phần chụp nguyên bản bằng chữ Nôm) như: *Sơn Hậu diễn truyện*, *Trần trá hôn diễn ca*, *Đình Lưu Tú diễn ca*. Nguyên bản chữ Nôm của vở tuồng *Sơn Hậu* được chép tay, còn nguyên bản chữ Nôm của hai vở *Trần trá hôn*, *Đình Lưu Tú* được khắc in tại Trung Quốc vào thời vua Quang Tự (*Đình Lưu Tú* khắc năm 1894, *Trần trá hôn* khắc năm 1908). Trước đó, nhà sách Khai Trí ở Sài Gòn đã từng in một số các vở tuồng cổ như: *Tuồng Túy Kiều (Lãm Túy Hiến truyện)*, *Kim Thạch Kỳ Duyên*... nhưng không có phần nguyên bản bằng chữ Nôm. Sau ngày thống nhất đất nước, nghệ thuật tuồng truyền thống ở các địa phương tiếp tục được khôi phục, đặc biệt là tuồng cung đình Huế. Về kịch bản tuồng, ngoài Tống tập Văn học Việt Nam (tập 15 a) do Gs Hoàng Châu Ký chủ biên có in một số kịch bản tuồng và vở *Kim Thạch Kỳ Duyên* của Bùi Hữu Nghĩa (do Nguyễn Q Thắng đứng in) thì vẫn chưa thấy một công trình tuồng cổ nào được xuất bản.

Hiện nay, nghệ thuật tuồng truyền thống của Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn trong việc phục hồi và phát triển, nhưng chính phủ và các ngành hữu quan ở Việt Nam đang có những nỗ lực nhằm bảo tồn và phát huy bộ môn nghệ thuật truyền thống này trên tinh thần giữ gìn bản sắc Văn hóa dân tộc, giữ gìn những cái hay cái đẹp do cha ông để lại.

Tuồng cổ chữ Nôm và số phận lưu lạc

Thông thường để có một vở diễn ra mắt công chúng, trước hết phải có kịch bản, đạo diễn và một dàn diễn viên có tay nghề. Đặc biệt đối với tuồng đòi hỏi phải có những đào kép chính thật xuất sắc và kịch bản phải hay mới thu hút được người xem, cho dù khán giả chỉ là những người dân bình thường hay là các vị quan viên chức sắc. Trong nghệ thuật biểu diễn tuồng, từng động tác diễn xuất, từng câu chữ của ca từ của người diễn viên khi thể hiện đều được bình phẩm ngay bởi tiếng trống châu đặt trước khán giả. Người cầm châu là một chức sắc trong làng hay là một vị quan viên hiểu biết về nghệ thuật tuồng, nếu người diễn viên biểu diễn sơ suất thì người cầm châu gõ lên tang trống để cảnh cáo còn khi diễn xuất đạt thì tiếng trống châu lại cất lên với nhịp độ khác nhau tùy thuộc vào

nghệ thuật diễn của từng diễn viên, và khi tiếng trống châu liên tục cất lên để tán thưởng thì đồng thời đây cũng chính là lúc khán giả ném tiền lên sân khấu để thưởng cho diễn viên vì thế nên diễn viên hát tuồng ngày xưa không bao giờ dám khinh xuất khi biểu diễn. Đặc biệt là khi tuồng được các vua quan phong kiến đưa vào phục vụ ở triều đình thì đòi hỏi trình độ diễn viên cho đến nội dung vở diễn đều phải được nâng cao hơn về mặt nghệ thuật, thủ pháp và ca từ.

Nghệ thuật tuồng truyền thống Việt Nam đã hình thành và phát triển trải qua hàng trăm năm, vì vậy số lượng kịch bản tuồng viết bằng chữ Nôm chắc chắn phải nhiều. Song cho đến nay, chúng ta ít biết đến nó. Kịch bản tuồng cổ Việt Nam được viết bằng chữ Nôm còn được bao nhiêu? Hiện nay nó đang nằm ở đâu? Nội dung và giá trị của các kịch bản tuồng như thế nào? Làm sao để khai thác nó? Đó chính là những băn khoăn, trăn trở của những ai quan tâm đến bộ môn nghệ thuật tuồng, quan tâm đến di sản của tiền nhân để lại. Là một người chuyên nghiên cứu về chữ Nôm và yêu thích bộ môn nghệ thuật tuồng truyền thống của dân tộc, tôi xin mạnh dạn thưa rằng: Kịch bản tuồng cổ chữ Nôm vẫn còn khá nhiều, và hiện nay nó đang được lưu giữ không những khắp nơi trong nước mà cả ở nước ngoài. Theo sự tìm hiểu của chúng tôi, nếu thông kê đầy đủ thì kịch bản tuồng cổ của Việt Nam viết bằng chữ Nôm có thể lên đến gần 200 vở (tính cả những vở tuồng chèo, cải lương...). Song điều đáng nói là hiện nay là một số lớn kịch bản tuồng cổ chữ Nôm (bản gốc) lại đang nằm trong các bảo tàng, thư viện lớn ở nước ngoài. Để có một cái nhìn tổng quan, chúng tôi xin được dẫn chứng một phần số liệu về nguồn kịch bản tuồng chữ Nôm và các cơ quan trong nước đang lưu giữ nó (đây là những số liệu ban đầu mà chúng tôi có được sau một thời gian dài tìm tòi, khảo cứu).

1/ Thư viện Viện Sân khấu

Đây là thư viện của cơ quan chuyên ngành về Sân khấu, hiện nơi đây đang lưu trữ các sách báo, tài liệu chuyên ngành và các vở diễn thuộc các thể loại Sân khấu trong cả nước. Ngoài các vở diễn của ngành tuồng bằng chữ Quốc ngữ, thư viện còn lưu giữ được gần 50 văn bản tuồng bằng chữ Nôm (trong đó có cả chữ Hán) được viết trên giấy dó. Qua khảo cứu những văn bản tuồng cổ này, tôi đã tìm thấy các cứ liệu, bằng chứng để xác định đây chính là những vở diễn của sân khấu tuồng Huế vào cuối triều Nguyễn. Cụ thể trên các vở tuồng có đóng các dấu: Théâtre Đông Xuân Lâu - Rue Gia Long (đường Gia Long nay là đường Phan Đăng Lưu, Huế). Dấu này hình chữ nhật, ở giữa dấu có dòng ghi ngày tháng. Nội dung ngày tháng ở các vở khác nhau, ví dụ ở vở *Ngự Văn Quân* dấu đóng là: N 17 NOV 23 (tức là ngày 17 tháng 11 năm 1923). Còn ở vở *Giác Sanh Duyên* là: N 28 DEC 23 (tức là ngày 28 tháng 12 năm 1923). Có thể đây cũng là dấu được đóng trên vé xem hát của rạp hát Đông Xuân Lâu. Dưới dòng ghi ngày tháng là một chữ ký không rõ tên nhưng bắt đầu bằng chữ Đ, có lẽ đây là dấu của người trong họ Đặng Ngọc, vì rạp hát này là do bà Tuấn vũ Đặng Ngọc Oánh thành lập.

Dấu thứ hai được đóng nhiều trên các vở tuồng, mẫu dấu hình tròn, vòng ngoài có dòng chữ: Đoàn Hát Bộ Đông Hỷ Ban, ở giữa là hai dòng chữ: Chủ Nhân - Hoàng Ngọc Cơ. Hoàng Ngọc Cơ tức là Ông Giám Cơ (con nuôi của bà Tuấn vũ Đặng Ngọc Oánh) trưởng đoàn hát bộ Đông Hỷ Ban.

Dấu thứ ba là mẫu dấu hình quả trám: Phần vành trên dấu khắc tên: Lê Trung Cư bằng tiếng Việt, ở giữa dấu là tên Lê Trung Cư bằng chữ Hán. dấu này thường đóng ở đầu các bản tuồng, chông lên dấu Đông Hỷ Ban. Chưa rõ Ông Lê Trung Cư là ai. Sau đợt khảo sát ở Hà Nội về, tôi đã trực tiếp gặp Gs Hoàng Châu Ký nguyên là Viện trưởng Viện Sân khấu, nay đã nghỉ hưu ở tại thành phố Đà Nẵng, Ông cho biết: Các vở tuồng cổ bằng chữ Nôm này là do Viện Sân khấu mua của ông Giám Cơ từ năm 1976. Tình trạng các vở tuồng cổ khi Viện Sân khấu mua về có một số vở không đủ chương hồi, một số bản đã bị

mục, rách... Song đây là một phần di sản quý báu của bộ môn nghệ thuật tuồng truyền thống Huế. Nhiều vở tuồng từ lâu tưởng không còn văn bản nhưng ở đây vẫn còn. Trong cuốn *Từ điển Nghệ thuật Hát Bội Việt Nam* do Gs Nguyễn Lộc chủ biên xuất bản năm 1998, đã ghi về vở *Giác Sanh Duyên* như sau: “Không rõ tác giả và thời điểm sáng tác. Hiện chưa tìm được văn bản” (tr. 196). Song vở tuồng này hiện vẫn còn bốn hồi (2, 4, 5, 8). Nhiều kịch bản tuồng vẫn còn nhưng chưa hề được ghi nhận trong *Từ điển Nghệ thuật Hát bội* cũng như trong các sách, bài viết của những nhà nghiên cứu về tuồng cổ. Đặc biệt, trong di sản tuồng cổ của Huế hiện đang lưu trữ ở đây còn có năm hồi (từ 1- 5) của vở *Quân Phương Tập Khánh* gồm 273 trang chữ Nôm (có cả chữ Hán). Đây là một vở tuồng pho tiêu biểu của tuồng Cung đình Huế dài hàng chục hồi, do Nguyễn Thuật, Đào Tấn cùng một số văn quan nổi tiếng trong Ban Hiệu Thư sáng tác dưới thời vua Tự Đức. Các nhà nghiên cứu tuồng thường gọi vở tuồng này bằng nhiều tên khác nhau như: *Quân Phương hiển thủy*, *Quân Phương hiển thọ* hoặc *Quân Trân hiển thủy*...

Danh mục tuồng cổ chữ Nôm ở Thư viện Viên Sân Khấu: (chỉ liệt kê các văn bản gốc có xuất xứ từ Huế).

- 1- *Bắc Tống*
- 2- *Châu Lý Ngọc*
- 3- *Dương Liễu diễn truyện* (hồi 1, 2, 3)
- 4- *Dương Lục Sứ* (hồi 1)
- 5- *Đào Phi Phụng*
- 6- *Đường Chinh Đông* (Đường Thế Dân sa lầy)
- 7- *Đường Chinh Đông* (hồi 8).
- 8- *Gia Ngẫu diễn truyện* (hồi 1, 2, 6, 7, 8, 9)
- 9- *Giác oan* (hồi 3)
- 10- *Giác Sanh duyên* (hồi 2, 4, 5, 8)
- 11- *Gián thập điều*
- 12- *Hoa Dung*
- 13- *Hoa Thiên Bảo*
- 14- *Hoả Hậu Tinh* (hồi 1, 2, 4)
- 15- *Hùng Văn Hùng Võ*
- 16- *La Thông Tảo Bắc*
- 17- *Long Phụng*
- 18- *Lục Vân Tiên*
- 19- *Lương Quốc trá hôn*
- 20- *Lưu Thiên Tích* (hồi 1)
- 21- *Lý Phụng Đình*
- 22- *Mã Long Mã Phụng*
- 23- *Lý Thanh Phong - Mai Bạch Tuyết diễn truyện* (hồi 1, 2)
- 24- *Ngạc Diện Hậu* (hồi 1, 2)
- 25- *Ngự Văn Quân* (hồi 1, 2, 3, 4)
- 26- *Ô Thước*
- 27- *Phong Thần truyện thập điều* (hồi 1, 2, 3)
- 28- *Quân Phương Tập khánh* (hồi 1, 2, 3, 4, 5)
- 29- *Quân Tiên ca*
- 30- *Tam Anh chiến Lữ Bố*
- 31- *Tại sanh kỳ ngộ* (hồi 1)
- 33- *Tần cung*
- 34- *Thanh xà Bạch Xà*
- 35- *Thập điều*
- 36- *Thuyết Đường*
- 37- *Trầm Hương các diễn truyện* (hồi 2)

- 38- *Triệt giang*
- 39- *Triệu đấm cửa* (Tam quốc)
- 40- *Trung sự*
- 41- *Trương Ngáo*
- 42- *Sơn Hậu*
- 43- *Vạn Bửu trình tường* (hồi 31)
- 44- *Võ Nguyên Long* (hồi 1, 2)

2/ Phòng tư liệu Nhà hát Tuồng Trung ương:

Tiền thân của Nhà hát Tuồng Trung ương chính là Nhà hát Tuồng Bắc được thành lập từ năm 1959. Ngoài các nghệ sĩ tuồng xứ Bắc, đây cũng là nơi qui tụ của một số Đạo diễn, Nghệ sĩ tuồng của miền Trung như: Tống Phước Phổ, Hoàng Châu Ký (Quảng Nam). Đáng chú ý là có sự góp mặt của nghệ sĩ Đoàn Thị Ngà người Huế, sinh năm 1906, là một đào hát nổi tiếng từ những năm 1925-1930, bà từng được nhiều đoàn hát nổi tiếng ở miền Bắc mời biểu diễn. Buổi diễn trong dịp lễ mừng thọ vua Khải Định ở Huế, bà đóng vai Điêu Thuyền (vở *Phụng Nghi Đình*) rất xuất sắc, được nhà vua ban thưởng. Năm 80 tuổi, giọng hát của bà vẫn còn hay và ngân vang. Thân sinh bà là một cụ đồ Nho chuyên làm công việc sao chép các văn bản tuồng và nhạc vở. Bà cũng đã từng làm nhiệm vụ khai thác vốn cổ ở ban nghiên cứu sân khấu trước khi về công tác ở đoàn tuồng Bắc. Bà được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú năm 1993 và mất trong năm ấy ở Hà Nội. (Theo tài liệu của Gs Hoàng Chương và Gs Nguyễn Lộc). Hiện nay ở phòng tư liệu của Nhà hát Tuồng Trung ương còn lưu giữ được 18 vở tuồng bằng chữ Nôm còn khá nguyên vẹn. Trong đó có vở tuồng *Sơn Hậu* (đầy đủ cả 3 hồi với 190 trang) được chép vào năm Khải Định thứ 8 (1923), lạc khoản ghi tên người chép như sau: “Văn Đình Phụ Nguyễn Thị Văn Lan căn chí.” Một số vở có ghi thêm chữ: gia bảo, gia thư, hoặc ghi cả tên chủ nhân lẫn người chép tuồng. Chúng tôi chưa có điều kiện khảo được thân thể của chủ nhân để biết xuất xứ chính xác của những bản tuồng này. Theo tôi, rất có thể những vở tuồng này có mối liên quan với nghệ sĩ Đoàn Thị Ngà. Nếu đúng như dự đoán thì đây là những vở tuồng có xuất xứ từ Huế. Tên các vở tuồng này đều trùng với các vở thường được diễn nhiều ở Huế trước đây.

Danh mục các vở tuồng chữ Nôm ở Nhà hát Tuồng Trung ương:

- 1- *Vũ Thành Lân sự tích*. 3 hồi, 98 trang. Niên đại chép: “Khải Định bát niên” (1923).
- 2- *Hoa Dung tiểu lộ* (tuồng Tam Quốc). 36 trang.
- 3- *Lạc Phụng Pha sơn Bàng Thống qui vị*. 18 trang.
- 4- *Nghĩa Thích Nghiêm Nhan*. 18 trang.
- 5- *Hoàn Long giải hổ*. 3 hồi, 140 trang.
- 6- *Kim Long xích phụng*. 3 hồi, 128 trang.
- 7- *Thập điều diễn truyện*. 3 hồi, 98 trang. Khải Định Giáp Tý niên (1924).
- 8- *Ô thước*. 3 hồi, 48 trang.
- 9- *Hoả Hậu tinh*. 3 hồi, 156 trang.
- 10- *Sơn Hậu*. 3 hồi, 190 trang. Khải Định bát niên (1923). Văn Đình Phụ Đông Thị Văn Lan căn chí.
- 11- *Sơn Hồ Ngạc*. 3 hồi, 100 trang. Khải Định ngũ niên (1920). Túc sương nguyệt, hạ cán. Phụ Nguyễn Thị chủ nhân gia bảo - Phụ Đông Thị Văn Lan căn chí.
- 12- *Hồ Thạch Hồ*. 3 hồi, 132 trang.
- 13- *Lý Thiên Long*. 3 hồi, 172 trang. Hoàng Triều Khải Định Canh Thân niên (1920) trọng xuân nguyệt cát nhật căn chí (cẩn thận chép vào ngày tốt tháng hai).

- 14- *Ngự Văn Quân*. Hồi 3-4, 129 trang.
- 15- *Tiết Đình San bái thượng Hàn Giang*. 1 hồi, 46 trang. Hoàng Triều Khải Định ngũ niên trọng xuân cát nhật (Ngày tốt tháng hai năm 1920).
- 16- *Diễn Võ Đình*. 34 trang. Phụ Nguyên chủ nhân. Nam triều Khải Định ngũ niên tam nguyệt nhật (tháng 3 năm 1920).
- 17- *Giang Tả cầu hôn*. 34 trang. Khải Định ngũ niên tam nguyệt trung hoán nhật (giữa tháng 3 năm 1920). Phụ Nguyên chủ nhân gia thư. Phụ Đông Văn Lan đăng tả (sao chép).
- 18- *Nhị Khí Châu Do* (Chu Du). 20 trang.

3/ Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm ở Hà Nội hiện đang lưu trữ hai loại văn bản tuồng cổ: Loại thứ nhất là các văn bản tuồng cổ sưu tầm được ở trong nước bao gồm các văn bản chép tay và các bản in khắc gỗ, gồm 12 vở, trong đó 2 vở: *Giang tả cầu hôn* và *Kim Thạch kỳ duyên* mỗi vở có 2 bản. Đặc biệt có vở: *Tiểu Sơn Hậu diễn ca* (còn gọi là *Hậu Sơn Hậu*) 128 trang. Loại thứ hai là bản chụp (photocopy) các vở tuồng cổ Việt Nam đang được lưu trữ tại thư viện Hoàng gia Anh quốc. Toàn bộ bản chụp các vở tuồng được đóng thành 27 tập, gồm 46 vở. Năm 1971, chính phủ Anh đã trao tặng lại cho chính quyền miền Nam tại Sài Gòn. Tháng 11 năm 1988, Viện Thông tin Khoa học Xã hội đã chuyển giao toàn bộ tài liệu này cho Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Trong 46 vở tuồng của thư viện Hoàng gia Anh khả năng có một số vở tuồng chèo. Do chưa có điều kiện phiên dịch nên chúng tôi chưa thể có kết luận một cách chính xác. Song chúng tôi có tiến hành khảo cứu về chữ huy để xác định niên đại và đối chiếu một số trang của vài vở tuồng ở đây so với các bản tuồng cùng tên ở nơi khác, thì lời ca, lời thoại ở các bản này có phần trau chuốt, dễ hiểu hơn. Khả năng đây có thể là những vở tuồng đã được Ban Hiệu Thư dưới thời Tự Đức hiệu đính.

a/ Danh mục các vở tuồng Nôm (bản gốc):

- 1- *Hoa Dung tiểu lộ*. Ký hiệu: AB.422.
- 2- *Hồ Thạch Phú*. Ký hiệu AB.187.
- 3- *Hồ thành nhân*. Ký hiệu AB 330.
- 4- *Dương Lục Sứ*. (-nt-)
- 5- *Đương Dương trường bản*. Ký hiệu: AB.492.
- 6- *Giang Tả cầu hôn*. (-nt-)
- 6b- *Giang Tả cầu hôn*. Ký hiệu: VNb.38. Phúc An đường in năm Khải Định 3 (1918).
- 7- *Quận chúa qui Kinh Châu*. Ký hiệu: AB.492
- 8- *Quận chúa qui Ngô*. (-nt-)
- 9- *Ngũ quan trăm tướng*. (-nt-)
- 10- *Tiểu Sơn Hậu diễn ca*. Ký hiệu: AB.205.
- 11- *Tam cổ thảo luận*. AB.203. Quan Văn đường in năm Duy Tân thứ 2 (1908).
- 12- *Kim Thạch kỳ duyên* (Tác giả: Bùi Hữu Nghĩa) có 2 bản, ký hiệu: VNv 72 và AB.598.

b/ Danh mục các vở tuồng chữ Nôm ở Thư viện Hoàng gia Anh. (Bản chụp)

- 1- *An trào kiếm*. 3 hồi, 166 trang.
- 2- *Châu Lý Ngọc truyện*. 3 hồi.
- 3- *Đà Hắc Báo truyện*. 1 hồi, 208 trang.
- 4- *Đào Phi Phượng truyện*. 4 hồi, 218 trang.
- 5- *Đào Tư Huệ truyện*. 4 hồi, 54 trang.

- 6- *Dương Dương trường bản* (TQC). 1 hồi, 58 trang.
- 7- *Giang Tả câu hôn truyện* (TQC). 1 hồi, 50 trang.
- 8- *Hán Sở tranh hùng truyện*. 1 hồi. 68 trang.
- 9- *Hoa Chúc truyện* (TQC). 1 hồi.
- 10- *Hoa Dung truyện* (TQC). 1 hồi, 44 trang.
- 11- *Hồ Thạch Hồ truyện*. 3 hồi, 195 trang.
- 12- *Kim Thạch Kỳ duyên truyện*. 3 hồi, 286 trang.
- 13- *Kim Vân Kiều truyện*. 3 hồi, 232 trang.
- 14- *Kinh Châu phó hội truyện* (TQC). 1 hồi, 40 trang.
- 15- *Lã Chu Hy truyện*. 1 hồi, 46 trang.
- 16- *Lạc Phương Pha truyện* (TQC). 1 hồi, 16 trang.
- 17- *Lê Ngụy Khôi truyện*. 3 hồi, 210 trang.
- 18- *Liễu Như truyện*. 2 hồi, 230 trang.
- 19- *Lưu Bình Dương Lễ ca truyện*. 1 hồi, 52 trang.
- 20- *Lưu Nguyễn nhập Thiên Thai truyện*. 1 hồi, 22 trang.
- 21- *Lý Thiên Long truyện*. 4 hồi, 244 trang.
- 22- *Mã Đãng Long truyện*. 3 hồi, 138 trang.
- 23- *Mã Sĩ truyện*. 3 hồi, 204 trang.
- 24- *Nghĩa thích Nghiêm Nhan truyện* (TQC). 1 hồi, 22 trang.
- 25- *Ngũ hổ bình Liêu truyện*. 1 hồi, 117 trang.
- 26- *Ngự Văn Quân truyện*. 4 hồi, 54 trang.
- 27- *Nhạc Hoa Linh truyện*. 5 hồi, 382 trang.
- 28- *Phong lưu ca truyện*. 1 hồi, 86 trang.
- 29- *Sơn hậu truyện*. 3 hồi, 206 trang.
- 30- *Sự tích ra tuồng*. 1 hồi, 65 trang.
- 31- *Tam cố mao lư* (TQC). 1 hồi, 36 trang.
- 32- *Tam úy tân truyện*. 2 hồi, 212 trang.
- 33- *Tây du Đường Tăng câu kinh ca truyện*. 1 hồi, 52 trang.
- 34- *Thạch Kim Anh truyện*. 3 hồi, 130 trang.
- 35- *Thù thế tân thanh truyện*. 6 hồi, 226 trang.
- 36- *Thuyết Đường truyện*. 1 hồi, 25 trang.
- 37- *Tiết Giang truyện* (TQC). 1 hồi, 36 trang.
- 38- *Tống Từ Minh truyện*. 3 hồi, 242 trang.
- 39- *Trần Bô truyện*. 2 hồi, 56 trang.
- 40- *Trần Nhạc Vũ truyện*. 3 hồi, 164 trang.
- 41- *Trương đồ nhục truyện*. 1 hồi, 46 trang.
- 42- *Trương Viên tiết nghĩa ca truyện*. 1 hồi, 28 trang.
- 43- *Tử tinh giáng thế truyện*. 3 hồi, 186 trang.
- 44- *Tửu hội truyện*. 1 hồi, 32 trang.
- 45- *Vũ Nguyên Long ca truyện*. 3 hồi, 162 trang.
- 46- *Vũ Thanh Lân truyện*. 2 hồi, 132 trang.

4/ Tài liệu tuồng cổ chữ Nôm ở các trung tâm lưu trữ:

Theo tài liệu, trước đây ở **Trung tâm Lưu trữ Trung ương II** tại thành phố Hồ Chí Minh có 10 hồi (từ 1-10) của vở *Vạn Bửu trình tuồng*, nằm trong 3 tập Hán Nôm mang ký hiệu GC 1025 VC, GC 1206 VC, GC 1027 VC. Chưa rõ số tài liệu này có chuyển theo Châu Bản của Triều Nguyễn ra **Trung tâm Lưu trữ Trung ương I** tại Hà Nội hay không? Hiện Trung tâm Lưu trữ Trung ương I đang xử lý lại thư mục tài liệu Hán Nôm nên chưa thể tiếp cận để khai thác được.

Chúng tôi được biết hiện nay một số các kịch bản tuồng chữ Nôm đang được lưu giữ ở thư viện Viễn Đông bác cổ, các trung tâm lưu trữ, các thư viện, bảo tàng (trong nước và ở

nước ngoài) các đoàn tuồng, các nhà nghiên cứu, sưu tập... (đặc biệt trong đó còn có những bản gốc của tuồng cung đình) nhưng chúng tôi chưa có điều kiện tiếp cận, hoặc chưa được phép của chủ sở hữu cho khai thác.

Di sản tuồng cổ chữ Nôm – bảo tồn và phát huy

Di sản tuồng cổ chữ Nôm của Việt Nam với số phận lưu lạc nghiệt ngã (có thể hồi một đang nằm ở Việt Nam nhưng hồi hai, hồi ba lại nằm ở Pháp, ở Mỹ...), song cũng thật may mắn là văn bản tuồng Nôm hiện vẫn còn khá nhiều. Chỉ tiếc là chúng ta chưa có điều kiện khai thác để hiểu hết giá trị của bộ môn nghệ thuật vừa mang tính dân gian, vừa mang tính bác học này. Đặc biệt là những giá trị về lịch sử, văn học, triết học, ngôn ngữ... qua nội dung, bố cục, qua các lời thoại, ca từ... Đương nhiên tuồng và văn bản tuồng (hát bội) không chỉ xuất phát từ Huế mà nó trải dài từ miền Bắc (nơi khai sinh của tuồng từ thời Lý Trần hoặc xưa hơn nữa) vào đến Nam Trung bộ, song có một điều chắc chắn rằng các kịch bản tuồng mà chúng tôi đã liệt kê ở trên, phần lớn đều có mối liên quan đến tuồng cung đình Huế. Bởi vì tuồng là món ăn tinh thần và là bộ môn nghệ thuật sân khấu chính thống được triều đình Huế (ngay từ thời các Chúa Nguyễn) quan tâm phát triển. Tác giả các vở tuồng chính là các bậc vua chúa, hoàng thân quốc thích, quan lại, các bậc danh nho hoặc những người có học vấn. Họ sáng tác tuồng nhằm nêu cao tâm gương trung quân ái quốc, trung hiếu tiết nghĩa, đã phá những thói hư tật xấu của xã hội đương thời. Song những nét đẹp và giá trị nhân văn của nghệ thuật tuồng vẫn còn sống mãi cho đến ngày nay.

Những công việc liên quan đến sưu tầm, khảo cứu, phát huy giá trị tuồng cổ không những chỉ đơn thuần là phát huy bộ môn nghệ thuật tuồng mà nó còn có giá trị lớn hơn là góp phần bảo vệ di sản chữ Nôm của cha ông. Điều chắc chắn rằng, từ những văn bản tuồng chữ Nôm chúng ta sẽ tìm thấy những “con chữ” Nôm lạ do cha ông ta sáng tạo vẫn còn ẩn mình trong đó. Mà công việc của chúng ta, những người tâm huyết với chữ Nôm đang ngày đêm tích cực tìm kiếm để hiểu thêm về văn hoá chữ Nôm, hiểu thêm về tinh thần độc lập tự chủ của tiên nhân. Sưu tầm, khai thác, phát huy tuồng cổ chữ Nôm là một việc làm có tính chất lâu dài nhưng cũng khá gian nan vì hiện nay văn bản tuồng cổ chữ Nôm đang nằm lưu lạc, tản mạn ở nhiều nơi và có khá nhiều dị bản, vì vậy việc phiên âm, chú giải, đối chiếu các dị bản phải được thực hiện một cách cẩn trọng mới lột tả được chất văn học đặc trưng của bộ môn nghệ thuật tuồng truyền thống Việt Nam, chọn lọc được những vở tuồng hay để các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp có thể dàn dựng phục vụ quần chúng nhân dân. Đối với công việc quan trọng và lớn lao này, một cá nhân, một nhóm... cho dù có tâm huyết thế nào chăng nữa thì cũng không thể gánh vác nổi mà cần phải có sự quan tâm của các cấp, các ngành, các tổ chức và nhiều người cùng tham gia. Qua diễn đàn này, chúng tôi chỉ mong muốn những người có tâm huyết với di sản chữ Nôm, các tổ chức, các cơ quan văn hóa trong nước và quốc tế tạo điều kiện cho chúng tôi được góp một phần công sức nhỏ nhoi của mình trong công cuộc bảo tồn và phát huy di sản văn hoá chữ Nôm.

